VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGHỀ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN XUÂN DŨNG*

Những năm gần đây, hoạt động đào tạo nghề ở Việt Nam đã có nhiều đổi mới và không ngừng khởi sắc, đóng góp một phần quan trọng vào việc đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của nền kinh tế. Tuy nhiên, chất lượng, quy mô, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo và hiệu quả dạy nghề… còn nhiều bất cập, nhất là sau hai năm nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Bài viết tập trung đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động đào tạo nghề đối với nguồn nhân lực ở nước ta cho mục tiêu phát triển bền vững.

1. Thực trạng hoạt động đào tạo nghề đối với nguồn nhân lực ở nước ta

Tính đến năm 2008, Việt Nam có khoảng 44 triệu lao động trên tổng số hơn 86 triệu dân, đứng thứ 2 trong khu vực và đứng thứ 13 trên thế giới([1]) về quy mô dân số - đây là yếu tố rất thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội. Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nhân lực nước ta – một nhân tố chiếm lợi thế cạnh tranh quan trọng trong quá trình tham gia thị trường lao động thế giới, được đánh giá là thông minh, cần cù và khả năng nắm bắt các kỹ năng lao động tương đối nhanh. Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật tăng mạnh từ 7,6% (năm 1986) lên gần 30% (năm 2007). Điều này có phần đóng góp không nhỏ của hệ thống các trường đại học, cao đẳng, nhất là hệ thống các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề, kể cả ngoài công lập (sau đây gọi là cơ sở đào tạo nghề).

* TS. Nxb. Khoa học Xã hội. Viện KHXH Việt Nam.

Hoạt động đào tạo nghề đối với nguồn nhân lực ở nước ta thời gian qua có thể khái quát như sau:

- Với chủ trương xã hội hóa công tác dạy nghề, hệ thống các cơ sở đào tạo nghề từng bước được hình thành và phát triển, nếu năm 2001 mới có 325 cơ sở đào tạo nghề (trong đó trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề ngoài công lập là 70 đơn vị) thì năm 2005 con số này là 640 (191), đến năm 2007 là 950 (308) - đây cũng là năm đầu tiên có 7 trường cao đẳng nghề và 26 trường trung cấp nghề ngoài công lập được thành lập. Ứng với thời gian trên, quy mô dạy nghề của hệ thống này tăng từ 995.500 học sinh sinh viên (trong đó ngoài công lập là 174.500) lên 1.409.700 (368.930) và 1.696.500 (528.743)([2]). Cùng với sự phát triển của hệ thống các cơ ở dạy nghề, đội ngũ giáo viên dạy nghề không chỉ tăng về số lượng, mà chất lượng cũng ngày càng được nâng cao. Tính đến 31 tháng 12 năm 2007, số lượng giáo viên dạy nghề là 35.962 người, trong đó số giáo viên có trình độ sau đại học (tiến sỹ, thạc sỹ): 3.782 người; đại học: 16.474 người; cao đẳng: 5.927 người; nghệ nhân, người có tay nghề cao: 5.344 người và trình độ khác: 4.435 người([3]).

Ngoài các cơ sở đào tạo nghề nói trên, các hình thức đào tạo nghề khác đã mang lại một số kết quả đáng nghi nhận, chẳng hạn như: đào tạo nghề tại các doanh nghiệp (cả nước hiện có khoảng trên 100 cơ sở dạy nghề thuộc các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn…), hợp tác với nước ngoài trong việc đào tạo nghề, gửi lao động đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở nước ngoài… hoặc các chương trình đào tạo nghề cho thanh niên và lao động nông thôn được phối hợp lồng ghép với chương trình mục tiêu, dự án nước ngoài nhằm tạo cơ chế bền vững trong giải quyết lao động việc làm, xóa đói giảm nghèo và ổn định cuộc sống. Việc hợp tác giữa các bên tham gia thị trường lao động từng bước đổi mới, mặc dù chủ yếu là phục vụ cho kế hoạch ngắn hạn, có khoảng 40% số doanh nghiệp có nhu cầu đã liên kết đào tạo với các cơ sở dạy nghề. Trong đó, doanh nghiệp có hợp đồng đào tạo với các trường chiếm 37,1%; các doanh nghiệp nhận hướng dẫn học sinh thực tập tại doanh nghiệp là 28,6%; doanh nghiệp gửi lao động đến trường để nâng cao kiến thức nghề chiếm khoảng 40%. Sự liên kết này đã làm cho hoạt động đào tạo xích lại gần hơn với những nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp về lao động và các loại ngành nghề.

- Cơ cấu xã hội hóa nguồn lực cho hoạt động dạy nghề cũng có những chuyển biến nhất định, chỉ tính riêng năm 2007, trong tổng số vốn đầu tư cho dạy nghề, ngân sách nhà nước chiếm 63%, đầu tư nước ngoài chiếm 3%, doanh nghiệp chiếm 10%, người học chiếm 21%, các cơ sở đào tạo chiếm 3%([4]). Mức đầu tư từ ngân sách nhà nước đã tăng dần: năm 2001 tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục - đào tạo chiếm 15,5%, trong đó chi cho dạy nghề chiếm 4,9% (so với tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục - đào tạo), số liệu tương ứng của năm 2005 là 17,9% và 6,5%, năm 2007 là 20% và 7,0%([5]).

- Chất lượng đào tạo nghề từng bước được nâng cao, theo tác giả Đặng Quang Điều, "…có khoảng 70% học sinh học nghề tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, một số nghề và một số cơ sở dạy nghề tỷ lệ này đạt trên 90%, thậm chí được doanh nghiệp tiếp nhận 100% học sinh tốt nghiệp ra trường. Theo đánh giá của người sử dụng lao động về kỹ năng nghề của lao động qua đào tạo nghề thì có khoảng 30% đạt loại khá và giỏi; 58% trung bình; về ý thức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp: 51% đạt loại tốt và khá"([6]).

Tuy nhiên, tỷ lệ công nhân kỹ thuật so với số cán bộ tốt nghiệp đại học mất cân đối nghiêm trọng, theo một số nghiên cứu, thì ở Việt Nam cứ 01 cán bộ tốt nghiệp đại học có 1,16 cán bộ tốt nghiệp trung cấp và 0,92 công nhân kỹ thuật, trong khi đó tỷ lệ này của thế giới là 1,4 và 10([7]). Theo thống kê, trong các cơ sở sản xuất ở nước ta, số lượng công nhân và lao động giản đơn chiếm khoảng 80% đội ngũ lao động (riêng năm 2007 số lao động qua đào tạo nghề chỉ khoảng 10 triệu người (chiếm 22%) trên 46,4 triệu người đang hoạt động kinh tế thường xuyên), còn các nhà kỹ thuật, quản lý, phát minh và đổi mới công nghệ chỉ chiếm khoảng 20%, ở các quốc gia phát triển, con số tương ứng là 28% và 72%. Đặc biệt, đội ngũ lao động chất lượng cao ở các trình độ: chuyên gia, kỹ sư, kỹ thuật viên và công nhân kỹ thuật có tay nghề vừa thiếu lại vừa yếu, tỷ lệ lao động đã được đào tạo nghề nghiệp và kỹ năng trong tổng số lực lượng lao động của nước ta được coi là thấp nhất trong khu vực. Số lao động có trình độ trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật còn quá thiếu so với yêu cầu, lại tập trung chủ yếu tại các thành phố và khu đô thị lớn.

Tốc độ xã hội hóa công tác dạy nghề còn chậm so với tiềm năng của xã hội, mức độ xã hội hóa chưa đồng đều giữa các vùng trên địa bàn cả nước. Cơ cấu ngành nghề đào tạo, một mặt chưa thật sự phù hợp, mặt khác chưa kịp thời đào tạo các nghề mới theo yêu cầu của doanh nghiệp, nên nhiều lao động được đào tạo nhưng không có đầu ra, trong khi một số nghề lại không đủ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhất là lao động chất lượng cao… Ngay cả đối với số lao động đã qua đào tạo nhưng khi được tuyển dụng lại không đáp ứng yêu cầu công việc, tay nghề quá yếu, doanh nghiệp phải đào tạo lại vừa mất thời gian, vừa tốn kém.

Số lượng giáo viên dạy nghề chưa tương xứng với quy mô đào tạo. Nếu tính tỷ lệ giáo viên dạy nghề trên số học sinh 1/25 (theo cách tính trước đây) năm 2008 thiếu gần 4.000 người; nếu tính theo tỷ lệ 1/20 thì dự báo trong niên khóa 2009 - 2010 sẽ thiếu khoảng 9.000 người, không kể giáo viên ở các trung tâm dạy nghề. Mặt khác, kỹ năng nghề của một bộ phận giáo viên còn hạn chế, không chỉ yếu về kỹ năng sư phạm, mà cả khả năng thực hành… dẫn đến chất lượng đào tạo chưa cao. Nội dung và phương pháp đào tạo chưa đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn phát triển hiện nay, nhất là trong quá trình nước ta hội nhập kinh tế quốc tế.

Nguồn kinh phí của Nhà nước đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn hạn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực. Mặt khác, chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ các cơ sở dạy nghề ngoài công lập, nên các cơ sở này phát triển còn chậm.

Đặc biệt, các cơ sở dạy nghề hiện mới tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực công nghiệp và dịch vụ, rất ít cơ sở đào tạo nhân lực cho khu vực nông, lâm, thủy sản, mặc dù khu vực này chiếm khoảng 65% tổng lực lượng lao động của cả nước, nhưng số người được đào tạo chỉ chiếm 3,85%. Những thất bại của nông dân trong việc nuôi tôm, nuôi cá… thời gian qua là minh chứng rõ nhất cho về việc người nông dân chưa vững tay nghề. Điều này không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến việc tăng cơ hội làm việc và thu nhập, mà còn là yếu tố làm hạn chế sức cạnh tranh của nền kinh tế([8]).

Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nhưng có thể thấy một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, chưa có chiến lược tổng thể trong việc xây dựng, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thiếu tầm nhìn trong xây dựng chiến lược đào tạo lực lượng lao động có tay nghề. Sự bất cập trong việc chuẩn bị cho hội nhập, trong đó khu vực giáo dục - đào tạo chưa theo kịp tốc độ phát triển của nền kinh tế. Thiếu cơ quan làm công tác thu thập, phân tích thông tin thị trường lao động, dự báo và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; thiếu vắng các cơ chế, chính sách hữu hiệu để tạo động lực khuyến khích tiềm năng của đội ngũ lao động lành nghề… hiệu quả phối hợp, liên kết giữa cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp chưa cao. Công tác định hướng phân luồng học sinh trung học cơ sở và giáo dục hướng nghiệp chưa hiệu quả.

Hai là, nhận thức về trình độ của phần lớn người lao động nói chung, thanh niên nói riêng hiện nay đối với việc học nghề còn rất hạn chế, chưa coi đây là lựa chọn phù hợp với năng lực, điều kiện kinh tế của gia đình, nhất là đối với số lao động ở nông thôn không có nghề nghiệp do không còn đất sản xuất bởi quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá đất nước. Mặt khác, hầu hết các địa phương đã có trung tâm dạy nghề, trung tâm khuyến lâm, khuyến ngư nhưng công tác đào tạo nghề cho nông dân không hiệu quả.

Ba là, chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên dạy nghề chưa đồng bộ, chưa phù hợp. Sự phối kết hợp giữa giáo dục - đào tạo nói chung với đào tạo nghề nói riêng thiếu sự gắn kết. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của hệ thống cơ sở đào tạo nghề còn thiếu thốn, lạc hậu. Chất lượng đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội...

2. Một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động đào tạo nghề cho mục tiêu phát triển bền vững

Nhận thức rõ nguồn lực con người – yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, là một nhân tố chiến lược quyết định tốc độ tăng trưởng nhanh, đồng thời là khâu quyết định triển vọng của tiến trình công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là xét về trung và dài hạn. Vì vậy, nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực nói chung, đào tạo nghề nói riêng đã được ban hành, Đại hội X của Đảng nhấn mạnh: " Phát triển mạnh mẽ hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tăng quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho xuất khẩu lao động. Mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, phát triển trung tâm dạy nghề quận, huyện. Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các hình thức dạy nghề đa dạng, linh hoạt: Dạy nghề ngoài công lập, tại doanh nghiệp, tại làng nghề…"([9]).

Trên cơ sở thực trạng của công tác dạy nghề thời gian qua và những vấn đề đặt ra hiện nay, cần tập trung giải quyết đồng bộ một số vấn đề sau:

Một là, tiếp tục cải cách mạnh mẽ và căn bản hệ thống giáo dục - đào tạo nói chung, với tư cách là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của nguồn lực con người, đáp ứng mục tiêu tạo nền tảng để thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn, đủ sức vươn lên phát triển nền kinh tế tri thức. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế theo kinh nghiệm của Nhật Bản và NIEs, nghiên cứu và ban hành hệ thống chính sách phát triển nguồn nhân lực nói chung, đào tạo nghề nói riêng. Trước mắt, có kế hoạch cụ thể trong việc tuyên truyền và triển khai dự án "*Tăng cường năng lực dạy nghề giai đoạn 2008-1010*" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Xác định rõ mục tiêu cụ thể trong đào tạo nghề và theo đó là các chính sách, chương trình thích hợp khác nhau nhằm đảm bảo để lao động nước ta có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp và đạt được hiệu quả thiết thực - đây được coi là một trong các mục tiêu lớn nhất trong việc nâng cao khả năng hội nhập của họ. Các chính sách này phải được xác định trên cơ sở nguyên tắc thị trường với các hình thức thích ứng với các loại hình doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo trong khung luật pháp, thể chế hữu hiệu. Hoạt động đào tạo gồm bồi dưỡng, nâng cao tay nghề (đào tạo lại) và đào tạo các ngành nghề mới cho người lao động, với mục đích không chỉ nâng cao khả năng tự tạo việc làm, không chỉ có thể di chuyển chỗ làm việc cho bản thân họ do thay đổi nhu cầu về các ngành nghề mới, mà còn ngăn ngừa thất nghiệp trong trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp.

Hai là, điều chỉnh cơ cấu đào tạo đại học, cao đẳng - trung học – công nhân một cách hợp lý, bám sát yêu cầu và sự chuyển động của thị trường sức lao động([10]). Xúc tiến thành lập *Trung tâm quốc gia dự báo nguồn nhân lực qua đào tạo nghề* với nhiệm vụ dự báo nhu cầu về nguồn nhân lực qua đào tạo nghề theo nghề, theo cấp trình độ, vùng, miền, theo ngành kinh tế… – một việc làm ngắn hạn để đạt được mục tiêu dài hạn. Chi tiết hóa các chỉ tiêu cụ thể, nhất là tỷ lệ đối với các cấp đào tạo để có tính khả thi khi triển khai thực hiện công tác

đào tạo nguồn nhân lực cho nền kinh tế. Từ cơ sở này giúp cho công tác định hướng phân luồng học sinh ngay từ bậc học trung học cơ sở, thông qua việc đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp – một nhu cầu không thể thiếu của học sinh phổ thông và có ảnh hưởng không nhỏ tới nguồn nhân lực của đất nước. Khuyến khích xây dựng và phát triển các tổ chức tư vấn nghề nghiệp cho học sinh và thanh niên học nghề. Nên chăng, nghiên cứu thiết lập hệ thống giáo dục nghề sau trung học ở Việt Nam, với thời gian đào tạo từ 2 – 3 năm, như một phương án thay thế bên cạnh giáo dục đại học, nhằm thu hút hết số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông không thể và không muốn vào đại học.

Ba là, đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục - đào tạo nói chung, dạy nghề nói riêng với vai trò định hướng, chỉ đạo và quản lý của Nhà nước. Tiến hành việc quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hai hướng: các trường đạt chuẩn quốc tế, khu vực, quốc gia và theo cấp trình độ (cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề) và theo cơ cấu ngành nghề, vùng miền. Theo đó, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động và tổ chức thu hút mọi nguồn lực trong và ngoài nước vào việc đầu tư xây dựng, mở rộng, sắp xếp lại và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, trước hết ưu tiên cho việc thiết lập cơ sở hạ tầng phù hợp trên những nguyên tắc và nội dung mới.

Xây dựng chương trình đào tạo theo nhiều hình thức, nhiều tầng trình độ phù hợp với các đối tượng học nghề khác nhau. Lựa chọn những nghề trọng điểm, mũi nhọn, nghề chịu áp lực cạnh tranh cao, tập trung đào tạo nguồn nhân lực một cách đồng bộ để có thể đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và từng bước đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực và quốc tế, đến năm 2020 có 08 trường nghề đạt chuẩn khu vực Đông Nam Á; xây dựng thí điểm 01 trường cao đẳng nghề đạt trình độ tiên tiến của thế giới vào năm 2010.

Triển khai việc xây dựng các xưởng sản xuất và tiến tới là các doanh nghiệp trong trường dạy nghề để gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh… Mở rộng hình thức đào tạo nghề ngay tại các doanh nghiệp có nhu cầu về lao động. Điều đặc biệt thích hợp của phương thức đào tạo này là nó đảm bảo được nguyên tắc gắn học với hành, lý thuyết với thực hành nghề, và hầu như không có sự bất cập giữa cung và cầu lao động đã được đào tạo, vì các doanh nghiệp thực hiện chủ yếu cho và từ nhu cầu của chính mình. Đồng thời, nó tạo ra sự yên tâm và khuyến khích được tinh thần tham gia tích cực của công nhân vì về nguyên tắc, các học viên tham gia quá trình đào tạo luôn được đảm bảo sẽ có chỗ làm việc ổn định và sự thăng tiến về nghề nghiệp([11]). Đây là một trong các phương thức giáo dục - đào tạo nghề nổi trội, khá phổ biến và đã thu được thành công lớn nhờ đào tạo được lực lượng lao động có kỹ năng đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá ở các nền kinh tế Đông Á, nhất là ở Nhật Bản và Hàn Quốc.

Xây dựng các cơ sở đào tạo đa ngành nghề ở các địa phương, nhất là ở các khu vực có nhu cầu tuyển dụng lao động lớn, đảm bảo các tiêu chuẩn, với những chỉ tiêu chất lượng được quy định chặt chẽ, bồi dưỡng tay nghề, bồi

dưỡng kỹ năng đáp ứng nguồn lao động tại chỗ, trong đó các địa phương cần hỗ trợ nâng cấp trang thiết bị học tập và giảng dạy. Xác định đào tạo nghề cho nông dân là yêu cầu bức thiết hiện nay, do vậy sớm triển khai các cơ sở dạy nghề cho lao động tại khu vực nông nghiệp, có thể kết hợp với các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư để xây dựng mạng lưới dạy nghề ngay tại các địa phương, tập trung vào chất lượng đào tạo đối với các nghề như: nuôi bò sữa, nuôi tôm, cá, trồng lúa…

Bốn là, dự báo giai đoạn 2010-2015 cần đào tạo 20.000 giáo viên dạy nghề, giải pháp được coi là đột phá cần được triển khai chính là phát triển khoa sư phạm nghề tại các trường đại học, cao đẳng kỹ thuật để cung cấp đội ngũ giáo viên dạy nghề chuẩn hóa - với chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên không chỉ giỏi về kiến thức chuyên ngành, không chỉ giỏi về kỹ năng nghề, mà còn giỏi về nghiệp vụ sư phạm. Chú trọng đổi mới nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình và tài liệu dạy nghề theo chuẩn quốc tế, phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế nước ta trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế, đặc biệt là cập nhật các tri thức cơ bản, hiện đại, vì suy cho cùng người lao động không có kiến thức và tay nghề cơ bản sẽ không có khả năng tham gia hiệu quả vào thị trường lao động.

Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục - đào tạo, bao gồm cả dạy nghề theo nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế. Về kinh phí đào tạo, trước mắt cần có sự chia sẻ của ngân sách nhà nước – doanh nghiệp – cơ sở đào tạo và người học theo một tỷ lệ thích hợp, bảo đảm hài hoà lợi ích các bên, từng bước doanh nghiệp sử dụng lao động chịu trách nhiệm trả toàn bộ chi phí về đào tạo nghề cho người lao động như kinh nghiệm của nhiều quốc gia châu Âu đã thành công trong lĩnh vực này.

Như vậy, để phát huy được khả năng và tiềm năng vào việc đẩy mạnh hoạt động đào tạo nghề đối với nguồn nhân lực cho mục tiêu phát triển bền vững của nền kinh tế, điều hết sức quan trọng là đẩy nhanh quá trình đổi mới thể chế kinh tế, coi quản lý chất lượng là yếu tố hàng đầu, nếu không sẽ gây lãng phí lớn nhằm tạo ra môi trường khuyến khích sự tham gia của tất cả lực lượng xã hội, nhất là chính sách đào tạo và sử dụng nhân lực một cách hợp lý. Kết hợp giữa kích thích lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần.

Chú thích

1. http://www.vovnews.vn, ngày 25/12/2008
2. Số liệu thống kê của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, 2008.
3. Số liệu thống kê của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, 2008.
4. Số liệu thống kê của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, 2008.

5. Số liệu thống kê của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, 2008.
6. Đặng Quang Điều, *Đào tạo nguồn nhân lực: Bắt đầu từ trường nghề*, Báo Lao động, số 90/2008.
7. Xem: Phạm Công Nhất, *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế*, Tạp chí Cộng sản, số 786/2008, tr. 64.
8. Nguyễn Duy Dũng, *Đào tạo và quản lý nhân lực: Kinh nghiệm Nhật Bản, Hàn Quốc và những gợi ý cho Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2008, tr. 173.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hộiĐại biểu toàn quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
10. Theo kinh nghiệm của các nước thuộc Liên minh châu Âu, nhờ công tác định hướng tốt nên chỉ có 44% số học sinh sau trung học cơ sở tiếp tục theo học các trường trung học phổ thông, số còn lại theo học các trường dạy nghề; hoặc ở Indonnesia, theo quy định của Chính phủ, từng bước nâng số học sinh sau trung học cơ sở vào học tại các trường trung học nghề, công tác định hướng của nhà trường và gia đình giữ vai trò quan trọng và kết quả là, năm 2007, chỉ 57% số học sinh trung học cơ sở tiếp tục theo học các trường trung học phổ thông.
11. Phạm Thành Nghị (chủ biên), *Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006, tr.173-174.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2001.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2006.

3. Nguyễn Xuân Dũng, *Một số định hướng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam giai đoạn 2001- 2010*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.

4. Phạm Thành Nghị (chủ biên), *Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.

5. Phạm Công Nhất, *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế*, Tạp chí Cộng sản, số 786/2008, tr. 63 - 66.

6. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, *Lao động và phát triển nguồn nhân lực,* Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam, 2007, Hà Nội.

7. Số liệu thống kê của Tổng cục Dạy nghề - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2008.

8. http:// www.gso.gov.vn, 2008.

9. http://www.vovnews.vn, ngày 25/12/2008.